

QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN HƯỞNG DỤNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015: NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN HẠN CHẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN

Lê Minh Hùng*

Tóm tắt: Trong bài viết này, bằng các phương pháp phân tích luật, phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh luật học và phương pháp nghiên cứu tình huống, tác giả trình bày các vấn đề còn hạn chế liên quan đến khái niệm và bản chất của quyền hưởng dụng, đối tượng của quyền hưởng dụng, phương thức tạo lập quyền hưởng dụng, căn cứ xác lập và hệ quả pháp lý của quyền hưởng dụng, thời hạn của quyền hưởng dụng, chấm dứt quyền hưởng dụng. Trên cơ sở đó, tác giả lập luận và đề xuất một số kiến nghị mang tính định hướng nhằm hoàn thiện chế định quyền hưởng dụng trong pháp luật Việt Nam hiện hành.

Abstract: Through methods of law analysis, historical approach, comparative legal studies, and case study, the article points out the shortcomings of the current legislation in relation to the concept and nature of usufruct rights, the subject matter of usufruct rights, method of establishing usufruct rights, grounds for establishment of usufruct rights and their legal consequences, duration, and termination of usufruct rights. Based on such findings, the author discusses and makes directive recommendations to strengthen the institution of usufruct rights in the Vietnamese law.

Quyền hưởng dụng là một chế định mới, chưa từng được đề cập trong hai Bộ pháp điển dân sự trước đây của Việt Nam và cũng chỉ chính thức được đưa vào Bộ luật Dân sự (BLDS) trong lần pháp điển thứ ba, năm 2015¹. Chế định này đã từng được ghi nhận cụ thể trong các Bộ pháp điển về dân luật của các chế độ cũ thời Pháp thuộc² và thời Cộng hòa miền Nam Việt

Nam trước năm 1975³, thậm chí còn được quy định cụ thể trong các Bộ luật thời phong kiến của Việt Nam⁴. Tuy nhiên, do mới được đưa vào BLDS hiện hành, nên một số quy định về quyền hưởng dụng vẫn còn mang tính khái quát, chưa cụ thể và một số vấn đề còn hạn chế, cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.

1. Khái niệm và bản chất của quyền hưởng dụng

Điều 257 BLDS năm 2015 đưa ra định nghĩa: “Quyền hưởng dụng là quyền của

* PGS. TS., Khoa Luật, Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

¹ BLDS được pháp điển lần thứ nhất (năm 1995) và lần thứ hai (năm 2005) không quy định về quyền hưởng dụng.

² Xem: *Bộ Dân luật - Thi hành tại các Tòa Nam án, Bắc kỳ (Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931)*, Nxb. Imprimerie Ngo - Tu - Ha, Hà Nội, 1931; *Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939 (Code Civil De L'ANNAM - Hoàng Việt Trung kỳ Hộ luật - trọn bộ)*, Nxb. Imprimerie TIENG DAN, Huế, 1944.

³ Xem: Các Điều 417 - Điều 462 *Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972*, Nxb. Thần chung, Sài Gòn, 1973.

⁴ Xem: Các quy định về di sản và hôn sản trong các Bộ luật thời phong kiến: *Quốc triều Hình luật (Bộ luật Hồng Đức)*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1991; *Hoàng Việt luật lệ (Bộ luật Gia Long)* do Nguyễn Quang Thắng và Nguyễn Văn Tài dịch và giới thiệu, Nxb. Văn hóa - Thông tin, 1999.

chủ thể được khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác trong một thời hạn nhất định”. Định nghĩa này cơ bản phản ánh được bản chất và nội hàm của khái niệm “quyền hưởng dụng”, nhưng dễ gây ra sự nhầm lẫn vì chưa có sự phân biệt rõ ràng với khái niệm “quyền sử dụng” tài sản của người không phải là chủ sở hữu (Điều 189 và Điều 191 BLDS năm 2015).

Xét về thuật ngữ, trong pháp luật cận đại của Việt Nam cũng như trong Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972, có các cách diễn đạt khác biệt. Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939, tại Điều 575 gọi là “quyền hưởng dụng thu lợi”⁵; Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931 sử dụng thuật ngữ tương tự, được quy định tại Điều 556; còn Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 gọi là “quyền dụng ích”⁶. Trong quyển *Danh từ pháp luật* của Trần Thúc Linh, quyền này cũng được tác giả đề cập với tên gọi là “quyền dụng ích”⁷. Theo BLDS Pháp, quyền sở hữu bao gồm 04 yếu tố là: Quyền sử dụng, quyền hưởng lợi, quyền định đoạt và quyền phụ thêm⁸ và

tổng hợp 02 quyền: “quyền sử dụng” và “quyền hưởng lợi” được gọi là “quyền hưởng dụng thu lợi”⁹.

BLDS năm 2015 quy định quyền sở hữu bao gồm 03 quyền năng là: Quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt (Điều 158). Theo đó, “quyền hưởng dụng” ở đây không hoàn toàn giống với quyền sử dụng trong nội hàm của quyền sở hữu, mặc dù bản chất của nó thật ra là được chiết tách từ một phần của quyền sở hữu. Nếu hiểu đúng, thì quyền hưởng dụng phải là một phần của quyền sở hữu mà chủ sở hữu tài sản chia sẻ với một chủ thể khác, nhưng xem kỹ quy định về “quyền sử dụng” của người khác (không phải là chủ sở hữu tài sản), thì rất khó phân biệt giữa quyền này với quyền hưởng dụng. Theo cách quy định này, nhà làm luật Việt Nam hiện nay chỉ xem quyền hưởng dụng là một trong những loại quyền sử dụng khác nhau của người khác (không phải là chủ sở hữu), ví dụ quyền sử dụng của người thuê tài sản, quyền sử dụng của người mượn tài sản, quyền sử dụng của người nhận cầm cố tài sản (nếu có thỏa thuận)... Tuy nhiên, cần có sự phân biệt rõ ràng giữa “quyền sử dụng” của người khác đối với tài sản và “quyền hưởng dụng” (sẽ phân tích ở ngay dưới đây).

Xét về bản chất, quyền hưởng dụng là một phần quyền được chiết tách ra từ nội dung của quyền sở hữu. Khi đó, nội dung

⁵ Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939 quy định: “Quyền hưởng dụng thu lợi là quyền hưởng dụng một vật gì thuộc về nghiệp chủ của người khác, cũng hưởng dụng như người nghiệp chủ vậy, nhưng phải giữ nguyên vật ấy cho người ta” (Điều 575). Tham khảo tại *Hoàng Việt Trung kỳ Hộ luật*, Nxb. Viễn Đệ, năm 1947, tr. 160-61; cũng có thể xem tại quyền *Hoàng Việt Hộ luật (tái bản)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, năm 2015, tr. 240.

⁶ Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 quy định: “Quyền dụng ích là một vật quyền cho phép hưởng dụng và thu lợi một tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác trong một thời gian không quá đời sống của người thu dụng, với trách vụ giữ nguyên tài sản ấy” (Điều 417). Tham khảo tại *Bộ Dân luật*, Nxb. Thần Chung, Sài Gòn, năm 1973, tr. 112.

⁷ Usufruit - là quyền dụng ích. Xem Trần Thúc Linh, *Danh từ pháp luật*, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1964, tr. 1161.

⁸ Xem thêm: Các Điều 544 - Điều 546 BLDS Pháp.

⁹ Theo Điều 578 BLDS Pháp, quyền này gọi là quyền hưởng dụng thu lợi (tiếng Pháp viết là “usufruit”). Về cách gọi, bản dịch *BLDS Pháp* của Nxb. Tư pháp, năm 2005, tại trang 423 dịch là “quyền hưởng hoa lợi, lợi tức” là không chính xác, vì quyền dụng ích hay quyền hưởng dụng không chỉ bao gồm việc hưởng hoa lợi, lợi tức mà còn bao gồm cả việc được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản.

quyền sở hữu sẽ bị thu hẹp, làm hạn chế, giảm thiểu chỉ còn lại chủ yếu là quyền định đoạt, nên còn được gọi là “quyền hư hữu”. Lúc này, chủ sở hữu có tài sản bị hưởng dụng chỉ còn lại mỗi quyền định đoạt mà không có thực quyền chiếm hữu, khai thác tài sản, nên được gọi là “hư chủ” (là chủ sở hữu không đầy đủ và không có thực quyền về mặt kinh tế đối với tài sản).

Quyền hưởng dụng là quyền của người khác được hưởng lợi trên tài sản của chủ sở hữu, làm giảm thiểu quyền sở hữu. Đây là quyền có thời hạn, nhưng tối đa không quá một đời của người hưởng dụng (cá nhân) hoặc 30 năm (pháp nhân). Quyền hưởng dụng được xác lập bởi ý chí của chủ sở hữu hoặc theo ý chí nhà làm luật. Quyền hưởng dụng có thể thiết lập trên mọi loại tài sản. Người được hưởng dụng phải sử dụng tài sản như chính bản thân chủ sở hữu sử dụng tài sản của mình; đồng thời phải trả lại tài sản theo hiện trạng phù hợp với việc sử dụng bình thường, đúng công dụng, tính năng của tài sản.

Xét về mặt lý luận, quyền hưởng dụng được xem là một loại “vật quyền” hay quyền đối vật, tức là quyền chi phối trực tiếp trên tài sản mà không phụ thuộc vào ý chí và sự hợp tác, phối hợp của người khác. Quyền này có tính chất độc nhất (chỉ thuộc về một chủ thể tại một thời điểm), có tính “loại trừ” (khi một người không phải chủ sở hữu có quyền này thì không có người thứ hai được hưởng hay tương tranh, kể cả chủ sở hữu) và có hiệu lực đối kháng với mọi chủ thể trong xã hội (chủ sở hữu và mọi chủ thể trong xã hội phải tôn trọng).

Qua phân tích những đặc trưng nói trên cho thấy, giữa quyền hưởng dụng và quyền sử dụng của người khác đối với tài

sản nói chung¹⁰ (như thông qua giao dịch cho thuê, thuê khoán, mượn tài sản...) có sự khác biệt. Mặc dù hai quyền này đều có bản chất đều là *quyền của người khác* trên tài sản của chủ sở hữu, nhưng giữa chúng có những điểm khác biệt sau đây: (i) Quyền sử dụng của người thuê, mượn tài sản không làm giảm thiểu quyền sở hữu đối với tài sản, hoặc nếu có thì chỉ làm hạn chế một phần quyền sử dụng vào mục đích xác định, còn quyền hưởng dụng làm giảm thiểu quyền quyền sở hữu; (ii) Quyền sử dụng của bên thuê, mượn chỉ là một *trái quyền*, chỉ có hiệu lực đối kháng với bên cho thuê hay bên cho mượn tài sản¹¹, trong khi “quyền hưởng dụng” là một *vật quyền*, có hiệu lực đối kháng với mọi chủ thể trong xã hội¹²; (iii) Quyền hưởng dụng có

¹⁰ Trừ quyền sử dụng của người chiếm hữu ngay tình là giống như chủ sở hữu, nhưng quyền sử dụng của người ngay tình là quyền xung đột với quyền sở hữu. Quyền sử dụng của người ngay tình không phát sinh nghĩa vụ phải bảo quản tài sản và bồi thường khi làm tổn hại tài sản... Trong khi đó, quyền hưởng dụng cho phép sử dụng tài sản nhưng phải bảo đảm sự an toàn của tài sản; nếu có lỗi làm hư hỏng tài sản thì phải bồi thường, và khi hết hạn hưởng dụng thì phải hoàn trả lại tài sản theo nguyên tắc “nguyên trạng”.

¹¹ Nếu dựa vào hợp đồng cho thuê, cho mượn có hiệu lực mà bên cho thuê, cho mượn không chịu giao tài sản để sử dụng thì bên thuê, bên mượn chỉ có thể kiện đòi bên cho thuê, cho mượn bồi thường, chứ không thể kiện đòi giao lại tài sản để sử dụng. Ví dụ: A là chủ nhà cho B thuê nhà 2 tầng, sau đó, nhân lúc B đi vắng, A lại cho C thuê tầng 1 và cho D ở nhờ tầng 2. Vậy, nếu B quay trở lại thì B không thể kiện C, D đòi lại nhà thuê mà chỉ có thể kiện A yêu cầu bồi thường thiệt hại do A vi phạm hợp đồng cho thuê nhà.

¹² Nếu A có nhà và B là người có quyền hưởng dụng, thì khi A đem bán, cho thuê, thế chấp hoặc cầm cố ngôi nhà đó trong thời gian B vắng mặt, thì quyền của B luôn được bảo đảm. B có quyền yêu cầu bất cứ người nào đang chiếm hữu, sử dụng ngôi nhà đó phải giao nhà cho mình. Chỉ có B mới có quyền cho thuê, việc A cho thuê là trái pháp luật và không có hiệu lực pháp luật.

thể xác lập theo giao dịch dân sự hoặc theo luật định, còn việc thuê, mượn xác lập thông qua giao dịch; (iv) Đối tượng của quyền sử dụng trong quan hệ thuê, mượn luôn phải là tài sản không tiêu hao, còn đối tượng của quyền hưởng dụng là mọi loại tài sản không phân biệt là vật hay quyền, tiêu hao hay không tiêu hao; (v) Khi chấm dứt quyền, người sử dụng trả lại tài sản trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc đúng như tình trạng đã thỏa thuận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, còn người hưởng dụng phải trả lại tài sản theo hiện trạng thực tế (đối với tài sản không tiêu hao), hoặc theo đúng chủng loại và giá trị như khi được bàn giao (đối với tài sản tiêu hao)...

Nhìn chung, quyền hưởng dụng là một vật quyền và là một phần quyền “được tách ra” từ quyền sở hữu, hệ quả là làm cho quyền của chủ sở hữu tài sản bị giảm thiểu, không còn khả năng được trực tiếp khai thác, hưởng hoa lợi, lợi tức và thụ hưởng các lợi ích theo các tính năng vốn có của tài sản. Qua phân tích trên có thể thấy rằng, tên gọi và nội hàm của khái niệm “quyền hưởng dụng” được quy định tại Điều 257 BLDS năm 2015 là chưa đầy đủ và dễ gây hiểu nhầm với quyền sử dụng nói chung, mặc dù đây là hai loại quyền khác nhau. Việc luật hóa thêm một quyền khác trên tài sản, một mặt làm hạn chế quyền sở hữu, mặt khác cũng tạo ra thêm nhiều rủi ro, làm gia tăng nguy cơ gây thiệt hại, mất mát đối với tài sản bị hưởng dụng. So sánh với Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931, Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939, Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972, cho thấy kinh nghiệm hay: Định nghĩa quyền hưởng dụng trong các bộ luật này có đưa thêm hai dấu hiệu: “Hưởng dụng

như chủ tài sản” và “phải giữ nguyên vật ấy”¹³. Đây là hai đặc điểm quan trọng, cần thiết phải có trong định nghĩa về quyền hưởng dụng, nhằm làm rõ thêm nội hàm và phản ánh đúng bản chất của quyền hưởng dụng, qua đó tăng cường khả năng đảm bảo lợi ích, phòng tránh tốt hơn các rủi ro đối với chủ sở hữu tài sản.

Để khái niệm quyền hưởng dụng được rõ nghĩa, cần bổ sung dấu hiệu “hưởng dụng tài sản như chủ sở hữu”, và “giữ nguyên tài sản” vào định nghĩa quyền hưởng dụng ở Điều 257 BLDS năm 2015. Nội hàm của thuật ngữ “giữ nguyên tài sản” khi hưởng dụng cần được giải thích, làm rõ gián tiếp qua các quy định khác có liên quan, như quy định về nghĩa vụ của người hưởng dụng; ứng xử của các bên khi tài sản bị hư hỏng do thiên tai, khách quan, bất khả kháng thì người hưởng dụng không có nghĩa vụ phải tu bổ, xây dựng lại; khi chấm dứt quyền hưởng dụng, người hưởng dụng trả lại tài sản trong tình trạng thực tế (nếu là tài sản không tiêu hao), hoặc theo đúng chủng loại, số lượng, giá trị như khi nhận bàn giao (nếu là tài sản tiêu hao).

2. Đối tượng của quyền hưởng dụng

Đối tượng của quyền hưởng dụng ở đây là việc khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản của người khác. Tài sản bị hưởng dụng là mọi loại tài sản nói chung, bao gồm cả động sản và bất động sản; vật, quyền hưởng cổ tức phát sinh từ cổ phiếu hoặc phần vốn góp trong hoạt động kinh doanh; quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, quyền sử dụng đất; quyền khai thác

¹³ Điều 566 Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931, Điều 575 Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939, Điều 417 Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 (đề cập dấu hiệu sử dụng nhưng phải “có trách vụ giữ nguyên tài sản ấy”).

rừng trồng, vườn cây lâu năm... Về điểm này cho thấy, quyền hưởng dụng cũng khác với quyền đối với bất động sản liền kề (địa dịch), vì quyền “sử dụng” bất động sản liền kề chỉ áp dụng đối với bất động sản.

Theo BLDS Pháp, quyền hưởng dụng có thể được xác lập trên động sản hoặc bất động sản¹⁴. BLDS Pháp còn quy định về việc hưởng dụng thu lợi với vật tiêu hao và vật không tiêu hao¹⁵. Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931 và Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939 cũng có quy định về các trường hợp quyền hưởng dụng có đối tượng là vật tiêu hao khác với vật không tiêu hao¹⁶.

BLDS năm 2015 không quy định về đối tượng cụ thể của quyền hưởng dụng. Đây là một thiếu sót gây tranh cãi: Liệu các vật tiêu hao, các hàng hóa động sản trong kinh doanh... thì có được dùng làm đối tượng của quyền hưởng dụng hay không, và nếu có thì việc hưởng dụng trên từng loại tài sản có gì khác nhau hay không.

Dưới góc độ đối tượng của quyền hưởng dụng, người ta có thể phân loại quyền hưởng dụng thành: i) Quyền hưởng dụng đối với bất động sản như quyền hưởng dụng, thu hoa lợi đối nhà ở hoặc đất vườn cây lâu năm...; ii) Quyền hưởng dụng đối với động sản như quyền hưởng cổ tức, quyền hưởng lợi tức từ việc cho thuê xe...

Dưới góc độ thực tiễn áp dụng pháp luật, việc minh định các loại đối tượng của quyền hưởng dụng và các điều kiện của nó không chỉ giúp chủ thể thực hiện tốt quyền sở hữu và quyền hưởng dụng của mình, mà còn làm cho việc áp dụng pháp luật được dễ dàng.

Định hướng hoàn thiện pháp luật trong thời gian tới là cần xác định đúng đắn đối tượng của quyền hưởng dụng, từ đó đưa ra những quy chế pháp lý đặc thù cho các loại quyền hưởng dụng đối với các tài sản là vật tiêu hao (hưởng dụng thóc giống trong nhà kho, những đồ vật khác có tính chất tiêu hao qua một lần sử dụng...) hoặc các động sản là hàng hóa kinh doanh (hưởng dụng kho nước ngọt đang kinh doanh, hưởng dụng tiệm vải đang bán buôn...). Qua đó, góp phần vào việc nhận thức, áp dụng pháp luật được thuận lợi, đúng đắn và nhất quán.

3. Phương thức tạo lập quyền hưởng dụng

Pháp luật không trực tiếp quy định về các trường hợp thiết lập quyền hưởng dụng, nhưng về phương diện lý luận và thực tiễn, việc tạo lập quyền hưởng dụng có thể dễ dàng được nhận diện và phân loại theo các phương thức khác nhau.

Dựa vào phương thức phân tách quyền hưởng dụng và dịch chuyển cho chủ thể khác một cách trực tiếp sau khi quyền sở hữu được phân tách, ta có hai cách tạo lập: (i) Chủ sở hữu chuyển nhượng trực tiếp quyền hưởng dụng của mình cho người khác và để dành lại cho mình quyền sở hữu hạn chế (chỉ còn quyền định đoạt, quyền sử dụng, quyền hưởng lợi trong một số trường hợp đặc thù). Cách này thường áp dụng cho trường hợp người có tài sản lập di chúc để cho phép người khác được hưởng dụng tài sản của mình trong một thời hạn, chẳng hạn người chồng lập di chúc để lại tài sản cho các con chưa thành niên nhưng trong di chúc cũng dành cho vợ góa quyền được hưởng dụng tài sản đến khi tái giá hoặc đến khi chết; (ii) Chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu hạn chế đối với tài sản của mình cho người khác và giữ lại cho mình quyền

¹⁴ Xem: Điều 581 BLDS Pháp: “Quyền hưởng hoa lợi, lợi tức có thể được xác lập đối với bất cứ loại tài sản nào, dù là động sản hay bất động sản”.

¹⁵ Xem: Điều 587 và Điều 589 BLDS Pháp.

¹⁶ Xem: Điều 584 và Điều 586.

hưởng dụng đến trọn đời. Cách này thường áp dụng với trường hợp bố, mẹ tặng cho con nhà, đất nhưng dành quyền hưởng dụng lại cho mình đến khi qua đời.

Dựa vào số lượng chủ thể được tạo lập quyền hưởng dụng, ta có: *Thứ nhất*, quyền hưởng dụng dành cho nhiều cá nhân là quyền hưởng dụng đồng thời cùng một lúc dành cho cả vợ, chồng hoặc gia đình. Đây là quyền hưởng dụng của người thân ở xa (Việt kiều, con, cháu làm ăn xa) dành để nuôi dưỡng, chăm sóc gia đình và người thân của mình khi bản thân họ không có điều kiện trực tiếp ở bên để chăm sóc hoặc chủ sở hữu chuyển giao tài sản hoặc chuyển giao quyền, và các bên có thể thỏa thuận là dành quyền hưởng dụng chung cho tất cả những người được chỉ định (thường là vợ, chồng, ví dụ vợ, chồng bán hay tặng cho quyền hư hữu và dành lại cho mình quyền hưởng dụng), và khi có người chết thì quyền hưởng dụng không chấm dứt mà người còn lại sẽ được tiếp tục hưởng dụng cả phần của người kia. *Thứ hai*, quyền hưởng dụng dành riêng cho một cá nhân được chỉ định hưởng dụng. Ví dụ: Các đồng thừa kế thỏa thuận chỉ dành riêng cho mẹ được quyền hưởng dụng trọn đời đối với phần di sản do người cha quá cố để lại. *Thứ ba*, quyền hưởng dụng dành cho pháp nhân, ví dụ dành quyền hưởng dụng một căn nhà cho tổ chức từ thiện... Lưu ý quyền hưởng dụng dành cho cá nhân chỉ áp dụng với người còn sống, nên sẽ chấm dứt khi cá nhân chết. Các trường hợp thành thai hoặc sinh ra trong tương lai cũng không áp dụng quyền hưởng dụng.

Quyền hưởng dụng cũng có thể tạo lập bằng các cách thức khác: Quyền hưởng dụng có kèm theo điều kiện và quyền hưởng dụng không kèm theo điều kiện; quyền hưởng dụng có thời hạn và quyền hưởng

dụng trọn đời; quyền hưởng dụng để chu cấp cho chính người hưởng dụng (vợ hưởng dụng di sản của chồng quá cố để lại cho các con) hoặc quyền hưởng dụng chu cấp cho người khác (vợ đã ly hôn được hưởng dụng tài sản riêng của chồng cũ để nuôi con cho đến khi con tròn 18 tuổi)...

Tác giả cho rằng, về mặt lập pháp, việc nhận thức các phương thức tạo lập quyền hưởng dụng giúp nhận thức đúng đắn về các loại quyền hưởng dụng, từ đó đưa ra những quy định thích hợp với từng phương thức tạo lập quyền hưởng dụng một cách hợp lý, khoa học trong tương lai. Ví dụ, theo quy định của BLDS Pháp, nếu cha mẹ hưởng dụng tài sản của con thì không cần có sự bảo lãnh, trong khi các trường hợp hưởng dụng khác đòi hỏi việc xác lập phải được bảo lãnh¹⁷.

4. Căn cứ xác lập và hệ quả pháp lý của quyền hưởng dụng

4.1. Căn cứ xác lập quyền hưởng dụng

Dựa trên ý chí xác lập quyền hưởng dụng, BLDS năm 2015 quy định về 03 căn cứ xác lập quyền hưởng dụng, bao gồm:

- (i) Quyền hưởng dụng được xác lập theo luật định;
- (ii) Quyền hưởng dụng được xác lập dựa trên thỏa thuận;
- (iii) Quyền hưởng dụng được xác lập theo di chúc.

¹⁷ Điều 601 BLDS Pháp: “Người hưởng hoa lợi, lợi tức phải có biện pháp bảo lãnh để bảo đảm việc hưởng dụng tài sản cẩn thận như tài sản của chính mình, trừ trường hợp văn bản xác lập quyền hưởng hoa lợi, lợi tức miễn trừ cho họ trách nhiệm đó. Tuy nhiên, đối với cha, mẹ có quyền hưởng hoa lợi, lợi tức trên tài sản của con theo quy định của pháp luật, người bán hoặc người tặng cho tài sản kèm theo điều kiện bảo lưu quyền hưởng hoa lợi, lợi tức thì không cần có bảo lãnh”.

Mặc dù vậy, các căn cứ quy định ở đây khá giản lược, nên chúng ta khó hình dung hết nội dung của từng căn cứ cụ thể này là như thế nào.

Tác giả cho rằng, cách quy định này đã phần nào gây khó khăn cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật, nhất là khi xác định về cách thức xác lập quyền hưởng dụng, thời điểm khởi phát quyền hưởng dụng đối với từng trường hợp cụ thể.

Đối chiếu với các Bộ Dân luật đã từng có quy định về quyền hưởng dụng, chúng ta thấy căn cứ xác lập quyền hưởng dụng được quy định khá rõ, chi tiết. Theo BLDS Pháp, quyền hưởng dụng có thể được xác lập theo quy định của pháp luật, trong đó có căn cứ vào pháp luật hôn nhân, thừa kế¹⁸ và thời hiệu. Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931¹⁹, Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939²⁰, Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972²¹ cũng có cách giải quyết tương tự. Theo đó, nếu người chồng chết mà có vợ góa, thì người vợ góa được hưởng dụng trọn đời đối với di sản của người chồng quá cố. Luật cũng quy định, cha, mẹ có quyền hưởng dụng tài sản của con vị thành niên. Trong án lệ Nam phần trước năm 1975, có những trường hợp án lệ thừa nhận quyền của người vợ góa được hưởng dụng tài sản của chồng quá cố cho đến cuối đời, trừ khi người vợ góa tái giá hoặc tự ý khước từ quyền này²².

Pháp luật hiện hành của Việt Nam không có quy định về quyền hưởng dụng của vợ góa đối với di sản của chồng quá cố, nhưng

trong Luật Hôn nhân và gia đình cũng như BLDS năm 2015 có quy định về trường hợp hạn chế phân chia di sản, gián tiếp cho phép người vợ/chồng còn sống hoặc người thân thích trong gia đình ở hàng thừa kế thứ nhất có thể được quyền hạn chế phân chia di sản nếu đủ các điều kiện luật định²³.

Thiết nghĩ, để cho quy định về căn cứ xác lập quyền hưởng dụng được hiểu, vận dụng thống nhất, cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết hoặc giải thích pháp luật chính thức của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nội dung vừa phân tích.

4.2. Hệ quả pháp lý của quyền hưởng dụng

Việc xác lập quyền hưởng dụng của người khác đối với tài sản bao giờ cũng có sự ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của chủ sở hữu đối với tài sản. Do đó, khi xây dựng chế định quyền hưởng dụng, nhà làm luật luôn phải cân nhắc và điều chỉnh hợp lý về quyền và nghĩa vụ của “hư chủ” để có cơ sở pháp lý phân định rõ ràng quyền lợi của các bên liên quan, “cân bằng” được lợi ích các bên trong mối quan hệ đặc biệt giữa “hư chủ” (chủ sở hữu có quyền sở hữu bị

²³ Quy định này không nói tới quyền hưởng dụng, nhưng gián tiếp có thể hiểu đây là một trường hợp mà gia đình có quyền hưởng dụng đối với khối di sản. Xem đoạn 2 Điều 661 BLDS năm 2015: “Trường hợp yêu cầu chia di sản thừa kế mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ hoặc chồng còn sống và gia đình thì bên còn sống có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa cho chia di sản trong một thời hạn nhất định. Thời hạn này không quá 03 năm mà bên còn sống chứng minh được việc chia di sản vẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của gia đình họ thì có quyền yêu cầu Tòa án gia hạn một lần nhưng không quá 03 năm”. Quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xem khoản 3 Điều 66.

¹⁸ Theo các Điều 757, 758-1, 758-2, 758-3, 758-4, 759, 759-1, 760, 761, 762 BLDS Pháp.

¹⁹ Điều 113 Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931.

²⁰ Điều 111 Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939.

²¹ Điều 274, Điều 275 Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972.

²² Xem thêm: Vũ Văn Hiền, *Hôn nhân và di sản*, Nxb. Bộ quốc gia giáo dục, Sài Gòn, năm 1960, tr. 109.

giảm thiểu) với người có quyền hưởng dụng. Đáng tiếc là vấn đề này chưa được BLDS hiện hành quy định đầy đủ. Ở đây, chúng ta cần chú ý tới ba hệ quả pháp lý sau đây:

(i) Khi quyền hưởng dụng được xác lập cho một chủ thể khác, quyền sở hữu của chủ tài sản lập tức bị giảm thiểu về nội dung. Theo đó, chủ sở hữu sẽ bị “mất tạm thời” quyền chiếm hữu và quyền sử dụng đối với tài sản của mình. Do đó, khi quy định về quyền hưởng dụng, cần phải quan tâm điều chỉnh mối quan hệ tương quan quyền lợi giữa chủ sở hữu bị giảm thiểu và người có quyền hưởng dụng.

(ii) Việc xác lập quyền hưởng dụng cho một chủ thể, thì chủ thể đó sẽ được pháp luật thừa nhận các quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức trên tài sản giống như là chủ sở hữu của tài sản, dù họ không có quyền định đoạt (vì quyền định đoạt đang thuộc về chủ sở hữu). Việc phát sinh quyền hưởng dụng sẽ đưa đến hiệu lực của quyền, đó là:

+ Nếu người có quyền sử dụng đối với tài sản là vật tiêu hao, thì người hưởng dụng cũng giống như người vay tài sản cùng loại, sẽ trở thành chủ sở hữu của các tài sản tiêu hao đó, tức là được toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản theo ý chí của mình, và chỉ phải hoàn trả lại vật cùng loại, có cùng giá trị hoặc bồi hoàn theo thời giá khi đến hạn chấm dứt quyền hưởng dụng²⁴.

+ Nếu người có quyền hưởng dụng đối với tài sản là các vật không tiêu hao qua một lần sử dụng, thì người hưởng dụng phải quản trị tận tâm, sử dụng tài sản như người chủ lương hảo (người chủ tốt, tận tụy), sử dụng tài sản đúng mục đích và phải trả lại tài sản trong tình trạng còn tốt nhất có thể,

dù chất lượng của nó có thể bị hao mòn tự nhiên giống như nó được sử dụng trong hoàn cảnh bình thường.

(iii) Việc xác lập quyền hưởng dụng cũng tạo lập nên vật quyền mạnh, có giá trị loại trừ và đối kháng với mọi chủ thể khác. Ngoài ra, xét về thời điểm xác lập quyền, thì quyền hưởng dụng được xác lập từ thời điểm tài sản được chuyển giao. Điểm này được dự liệu cụ thể tại Điều 259 BLDS năm 2015.

Việc nhận thức được các hệ quả pháp lý này giúp định hướng tốt trong xây dựng các quy định về hiệu lực của quyền hưởng dụng, về quyền, nghĩa vụ của các bên chủ sở hữu, người có quyền hưởng dụng cũng như quyền của người thứ ba liên quan đến việc thực hiện quyền sở hữu, quyền hưởng dụng.

5. Thời hạn của quyền hưởng dụng

Theo khoản 1 Điều 260 BLDS năm 2015: “Thời hạn của quyền hưởng dụng do các bên thỏa thuận hoặc do luật quy định nhưng tối đa đến hết cuộc đời của người hưởng dụng đầu tiên nếu người hưởng dụng là cá nhân và đến khi pháp nhân chấm dứt tồn tại nhưng tối đa 30 năm nếu người hưởng dụng đầu tiên là pháp nhân”.

Theo đó, thời hạn của quyền hưởng dụng dựa trên 2 căn cứ: (i) Do các bên thỏa thuận (ví dụ thời hạn các bên thỏa thuận theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản có dành lại quyền hưởng dụng tài sản cho cả vợ và chồng là 10 năm, kể từ ngày giao tài sản); (ii) Do pháp luật quy định (ví dụ: Việc hưởng dụng tài sản trong trường hợp hạn chế phân chia di sản tối đa là 03 năm và được gia hạn 01 lần, nhưng không quá 03 năm).

Cũng cần lưu ý, nếu các bên thỏa thuận về thời hạn hưởng dụng đối với cá nhân, thì thời hạn tối đa là trọn đời của người hưởng dụng. Nếu người được quyền hưởng dụng là

²⁴ Xem: Điều 587 BLDS Pháp.

cả hai vợ chồng, khi một bên vợ hoặc chồng của người có quyền hưởng dụng chết, phần quyền hưởng dụng của người đã chết sẽ chuyển giao cho người còn sống, nhưng tối đa cũng không quá 30 năm kể từ khi phát sinh quyền hưởng dụng với người đầu tiên.

BLDS năm 2015 không quy định về quyền của người hưởng dụng có được bán, tặng cho, thế chấp quyền hưởng dụng hay không, nhưng có quy định việc cho thuê quyền hưởng dụng, và thời hạn cho thuê tối đa bằng với thời hạn hưởng dụng còn lại mà thôi²⁵. Qua quy định về thời hạn của quyền hưởng dụng, chúng ta có thể rút ra hai hệ quả:

(i) Quyền hưởng dụng không tồn tại vĩnh viễn mà có thời hạn. Quy định này giới hạn việc sử dụng đến kiệt quệ đối với tài sản của người “hư chủ”.

(ii) Mặt khác, quyền hưởng dụng mà cá nhân đầu tiên được chuyển nhượng thì không thể để lại thừa kế cho người khác, vì khi cá nhân có quyền hưởng dụng chết, quyền hưởng dụng của người đó chấm dứt (trừ trường hợp quyền hưởng dụng dành cho vợ, chồng mà có một bên chết trước thì có thể để lại cho người còn sống tiếp tục hưởng dụng).

Cũng với quy định này, chúng ta thấy rằng, nội dung của khoản 1 Điều 260 BLDS năm 2015 còn vài điểm cần bàn thêm:

²⁵ Quy định này không chuẩn xác, vì thời hạn chỉ có thể xác định đối với quyền hưởng dụng có hạn định thời gian. Đối với quyền hưởng dụng không hạn định, người ta không thể biết trước là quyền ấy khi nào chấm dứt, thì khó có thể ký hợp đồng cho thuê xác định thời hạn. Để xử lý vấn đề này, BLDS Pháp cho phép cho thuê tối đa 9 năm (Điều 595), còn Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 quy định thời hạn này là 5 năm (Điều 426). Sau khi chấm dứt hợp đồng, các bên có thể gia hạn theo kỳ hạn tương ứng mỗi lần, với các điều kiện cụ thể.

Trước hết bàn về thời hạn của người hưởng dụng là cá nhân.

Thứ nhất, cách gọi tên “*người hưởng dụng đầu tiên*” là không cần thiết. Bởi lẽ, theo quy định của BLDS năm 2015 thì trên thực tế sẽ không tồn tại người hưởng dụng thứ hai. Người hưởng dụng không thể thoát khỏi nghĩa vụ hưởng dụng thông qua cho thuê tài sản là đối tượng của quyền hưởng dụng hay cho người khác khai thác công dụng và thu hoa lợi, lợi tức thay mình. Họ chỉ được giải thoát khỏi nghĩa vụ này khi có căn cứ chấm dứt quyền hưởng dụng tại Điều 265 BLDS năm 2015. Vì BLDS năm 2015 không có quy định về việc chuyển nhượng hay tặng cho quyền hưởng dụng, nên sẽ không có khái niệm “*người có quyền hưởng dụng tiếp theo*”, bởi vậy thuật ngữ “*người hưởng dụng đầu tiên*” đề cập ở đây thật khó lý giải.

Thứ hai, quy định về thời hạn hưởng dụng như BLDS năm 2015 sẽ dẫn đến hệ quả triệt tiêu thừa kế quyền hưởng dụng khi người hưởng dụng chết trước thời hạn đã thỏa thuận.

Quy định về thời hạn này có điểm tương đồng với quan điểm lập pháp của Luật La Mã và Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972. Luật La Mã quy định quyền hưởng dụng nói riêng và dịch quyền thuộc người nói chung luôn gắn liền với những người nhất định, có thời hạn nhất định, nhiều nhất là đến hết đời người đó²⁶. Tương tự, Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 cũng quy định thời hạn không quá thời gian một đời sống của

²⁶ Witold Wołodkiewicz and Maria Zabłocka (1996), *Luật La Mã (Lê Nét dịch từ nguyên bản Giáo trình Luật La Mã của Trường Đại học Tổng hợp Warszawa, Ba Lan)*, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 1999, tr. 140.

người hưởng dụng²⁷.

Bên cạnh đó, vẫn có các quan điểm lập pháp ủng hộ thừa kế quyền hưởng dụng nếu người hưởng dụng chết trước thời hạn thỏa thuận. Điển hình của quan điểm này là BLDS Pháp và Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939.

Theo Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939, nếu người hưởng dụng chết mà kỳ hạn hưởng dụng vẫn còn thì có thể chuyển giao cho người thừa kế²⁸. BLDS Pháp không đưa ra thời hạn thực hiện quyền hưởng dụng đối với cá nhân²⁹. Nhà làm luật Pháp cũng cho phép người có quyền hưởng dụng có thể bán hoặc chuyển giao quyền này không có đền bù³⁰. Đối với quyền sử dụng và quyền cư dụng, BLDS Pháp không cho phép chuyển nhượng, cho thuê. Ở đây, cần nói thêm quyền sử dụng trong BLDS Pháp có nội hàm khác với quyền sử dụng trong BLDS năm 2015 của Việt Nam.

Bàn luận về vấn đề này, có tác giả nhận xét rằng: *“Sự kiện người hưởng dụng chết chỉ làm chấm dứt quyền hưởng dụng trong một số trường hợp...Việc hưởng dụng đất ở Việt Nam có thể truyền lại cho người thừa kế”*³¹.

Nhìn chung, quan điểm ủng hộ cho thừa kế quyền hưởng dụng nhằm mục đích bảo vệ tối đa quyền của người hưởng dụng. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, trong quan hệ pháp luật về hưởng dụng, chủ sở hữu giảm thiểu

là bên yếu thế. Do đó, việc quy định thời hạn hưởng dụng tối đa đến hết cuộc đời người hưởng dụng là bảo vệ cho bên yếu thế trong một quan hệ pháp luật. Bởi lẽ, chủ sở hữu giảm thiểu dù được giữ lại quyền định đoạt nhưng thực tế quyền định đoạt này đã bị hạn chế để bảo đảm quyền cho người hưởng dụng. Thật vậy, chủ sở hữu giảm thiểu rất khó khăn khi bán, tặng cho một tài sản là đối tượng của quyền hưởng dụng, bởi nghĩa vụ liên quan đến quyền hưởng dụng của chủ sở hữu lập tức được chuyển sang cho bên thứ ba sau một giao dịch dân sự mang tính đoạn tuyệt. Chủ sở hữu giảm thiểu cũng không được tiêu hủy tài sản là đối tượng của quyền hưởng dụng³². Trong khi đó, người hưởng dụng đang hưởng lợi từ tài sản của người khác. Như vậy, khi quyết định trao cho người khác quyền hưởng dụng tài sản, chủ sở hữu cần phải có sự cân nhắc, “chọn mặt gửi vàng”. Nếu quyền hưởng dụng được để lại thừa kế khi người hưởng dụng chết thì sẽ không phù hợp với ý chí ban đầu của chủ sở hữu lúc xác lập quan hệ.

Vì những lẽ trên, tác giả đánh giá quy định thời hạn quyền hưởng dụng chỉ kéo dài đến khi người hưởng dụng chết là hợp lý.

Tiếp theo, bàn đến vấn đề thời hạn của quyền hưởng dụng khi người hưởng dụng là pháp nhân. Theo BLDS năm 2015, quyền này chấm dứt khi pháp nhân chấm dứt sự tồn tại nhưng không quá 30 năm³³. Quy định này khá tương đồng với quy định trong BLDS Pháp³⁴. Tuy nhiên, so với Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931, Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939 và Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972, quy định về thời hạn hưởng dụng

²⁷ Xem: Điều 417 Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972.

²⁸ Xem: khoản 2 Điều 604 Hoàng Việt Hộ luật (được Nxb. Hồng Đức tái bản vào năm 2015).

²⁹ Xem: Điều 619 BLDS Pháp, bản dịch của Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2005.

³⁰ Xem: Điều 595 BLDS Pháp.

³¹ Ngô Huy Cương, *Ý tưởng về chế định quyền hưởng dụng trong Bộ luật Dân sự tương lai của Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 17 (175), 2010, tr. 28-34.

³² Xem: Điều 263 BLDS năm 2015.

³³ Xem: Khoản 1 Điều 260 BLDS năm 2015.

³⁴ Xem: Điều 619 BLDS Pháp.

của pháp nhân có những điểm khác. *Thứ nhất*, Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931 và Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972 không có dự liệu thời hạn hưởng dụng của pháp nhân, nhưng Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939 lại có quy định³⁵. *Thứ hai*, cả ba Bộ Dân luật ở Việt Nam trước đây đều đưa thêm loại thời hạn đặc thù, đó là thời hạn hưởng dụng xác định theo “điều kiện”³⁶ do các bên thỏa thuận. *Thứ ba*, Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939 quy định thêm ngoại lệ “trừ những thể lệ riêng về những tài sản dùng để tế tự ngoại”³⁷; Bộ Dân luật Bắc còn quy định riêng về thời hạn trong hợp đồng thuê dài hạn có thể từ 18 – 99 năm³⁸. Đây là kinh nghiệm hữu ích từ lịch sử cho Việt Nam đương đại. Trong tương lai, ở Việt Nam nên có sự bổ sung các quy định về quyền hưởng dụng trong các chế định khác của pháp luật dân sự (thừa kế hương hỏa, hạn chế phân chia di sản, thuê khoán tài sản), trong pháp luật chuyên ngành về nhà ở (thuê nhà ở dài hạn), đất đai (thuê quyền sử dụng đất), bảo vệ và phát triển rừng (thuê rừng trồng để khai thác dài hạn...). Bên cạnh đó, pháp luật phải có các quy định chung về thời hạn hưởng dụng để đảm bảo tính bao quát, đồng thời cũng cần dự liệu các trường ngoại lệ để không bỏ sót quyền hưởng dụng đặc thù. Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung thêm vào khoản 1 Điều 260 BLDS năm 2015 nội dung sau: “*Trong trường hợp bộ luật này, luật khác có liên quan quy định riêng về thời hạn của các*

quyền hưởng dụng cụ thể, thì áp dụng các quy định đó”.

6. Chấm dứt quyền hưởng dụng

6.1. Căn cứ chấm dứt quyền hưởng dụng

BLDS năm 2015 quy định 7 căn cứ chấm dứt quyền hưởng dụng, như hết thời hạn của quyền hưởng dụng, thỏa thuận của các bên, người hưởng dụng thành chủ sở hữu, từ bỏ quyền hưởng dụng, tài sản hưởng dụng không còn³⁹... Mặc dù phương pháp diễn chế của điều luật khá tốt, vừa liệt kê được các trường hợp làm cho quyền hưởng dụng chấm dứt và còn có điều khoản “quét” (các trường hợp khác theo quy định của pháp luật), nhằm bảo đảm sự bao quát hầu hết các căn cứ chấm dứt quyền hưởng dụng. Tuy vậy, quy định này vẫn còn một số vướng mắc cần được khắc phục.

Thứ nhất, khoản 1 Điều 265 BLDS năm 2015 quy định căn cứ “thời hạn của quyền hưởng dụng đã hết”. Chiếu theo quy định tại Điều 260, chúng ta thấy thời hạn của quyền hưởng dụng có thể là do pháp luật quy định, do thỏa thuận hoặc khi người hưởng dụng đầu tiên chết. Có thể thấy, trường hợp “do pháp luật quy định” là khá trừu tượng, mang tính phỏng đoán và rất khó tìm ra được các quy định cụ thể về chấm dứt quyền hưởng dụng cho trường hợp này. Do đó, chỉ khi tìm được quy định cụ thể về thời hạn của quyền hưởng dụng trong trường hợp này, thì mới xác định được đúng đắn về thời điểm chấm dứt quyền hưởng dụng do hết thời hạn.

Thứ hai, đối với căn cứ chấm dứt quyền hưởng dụng của cá nhân khi người hưởng dụng đầu tiên chết, thì cũng còn thiếu sót, gây ra nhiều vướng mắc, bởi lẽ cần xác định thế nào là người hưởng dụng đầu tiên, trong

³⁵ Xem: Đoạn 2 Điều 578 Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939.

³⁶ Xem: Điều 588 Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931; Điều 577, 578 Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939; Điều 419 Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972.

³⁷ Xem: Đoạn 2 Điều 578 Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939.

³⁸ Xem: Điều 592 Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931.

³⁹ Điều 265 BLDS năm 2015.

khi quyền hưởng dụng không thể chuyển nhượng hoặc để lại thừa kế cho “người tiếp theo”. Mặt khác, quy định này cũng chưa bao quát hết các trường hợp, đó là khi quyền hưởng dụng dành cho nhiều cá nhân. Ví dụ: Quyền hưởng dụng dành cho những thành viên của gia đình, cho cả ông, bà, hoặc cho cả cha, mẹ, hoặc cho cả các con chưa thành niên được cùng hưởng dụng, thì việc một người trong số đó chết (người đầu tiên trong số đó chết), có làm chấm dứt quyền hưởng dụng hay không? Vì cách diễn đạt của điều khoản chưa rõ ràng, nên không giải thích được quy định có thể hiểu theo nghĩa như vậy hay không?

Thứ ba, khoản 5 Điều 265 BLDS năm 2015 quy định quyền hưởng dụng chấm dứt khi tài sản được hưởng dụng không còn tồn tại. Xem qua, quy định dường như là hợp lý, nhưng thực ra, đối tượng của quyền hưởng dụng không còn, không phải lúc nào cũng có liên quan và làm chấm dứt quyền sở hữu hay quyền hưởng dụng. Tài sản không còn tồn tại trong trường hợp này có thể xảy ra rất nhiều mà không làm chấm dứt quyền hưởng dụng. Đó là các trường hợp: Tài sản bị tổn thất, nhưng có thể được bên bảo hiểm trả tiền bảo hiểm dựa trên sự kiện bảo hiểm; tài sản không còn tồn tại do bị thu hồi đất/giải tỏa nhà, công trình, tài sản trên đất nhưng có bồi hoàn, tài sản bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định trưng mua, tài sản bị tiêu hủy do lỗi của người khác... Ở đây, tài sản đương thời không còn tồn tại ở dạng vật chất hữu hình, nhưng lại tồn tại ở dạng khác, ví dụ như chuyển hóa thành khoản tiền. Như vậy, “tài sản” là đối tượng của quyền hưởng dụng không hoàn toàn mất đi, mà có thể “biến thể” thành một dạng tài sản mới (tài sản thay thế, tiền bồi thường). Nếu tài sản còn tồn tại ở một dạng thức mới, thì quyền hưởng dụng có được

tiếp tục cho đến hết thời hạn hưởng dụng hay không? Nếu không, thì cần giải quyết sự chênh lệch như thế nào, và người hưởng dụng đã đầu tư, làm tăng giá trị tài sản liệu có quyền yêu cầu được thanh toán lại giá trị tương ứng hay không? Đây là vấn đề rất cần được làm rõ trong hệ quả pháp lý của việc chấm dứt quyền hưởng dụng.

Thứ tư, bên cạnh đó, quy định này có phần mâu thuẫn với quy định khác về quyền hưởng dụng, đó là trường hợp đối tượng của quyền hưởng dụng là vườn cây, gồm nhiều cây cối, hoặc đàn gia súc gồm nhiều con gia súc. Trường hợp này, không phải lúc nào cả đàn gia súc đều chết cả, hoặc cả vườn cây đều bị gãy đổ, hư hỏng cả, mà có thể chỉ là vài cá thể gia súc, vài ba cây to trong vườn. Theo pháp luật La Mã cũng như pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới và các Bộ Dân luật của Việt Nam trước đây, nếu gia súc chết thì có thể thay thế bằng gia súc con được gia súc mẹ trong đàn gia súc đó sinh ra⁴⁰; hoặc cây cối gãy đổ mà người hưởng dụng trồng lại cây khác thay thế, thì quyền hưởng dụng cũng không chấm dứt. Luật Việt Nam hiện hành cần lưu ý đến các trường hợp cụ thể này, nhằm phân hóa rõ các trường hợp tài sản không còn nào thì làm chấm dứt hoặc không làm chấm dứt quyền hưởng dụng.

Trong các trường hợp tài sản được hưởng dụng là nhà – đất, khi ngôi nhà bị tiêu hủy, phần đất là phần tài sản còn lại. Đây là trường hợp tài sản hưởng dụng vẫn còn tồn tại một phần, thì cần quy định rõ về tình trạng của quyền hưởng dụng còn tồn tại hay không? Thêm nữa, có những loại tài sản là vật tiêu hao, sử dụng rồi thì không còn tồn tại nữa, ví dụ như kho thóc, các đồ nội

⁴⁰ Điều 581 Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931; Điều 603 Bộ Dân luật Trung kỳ năm 1936 - 1939.

thất tiêu hao...; hoặc có những loại sản nghiệp tổng quát, như hàng hóa trong kho chứa hàng, hàng hóa trong các cửa hàng, hiệu buôn, thì việc hưởng dụng vốn dĩ có thể làm tiêu thất tài sản. Nếu như chấm dứt quyền hưởng dụng sẽ mâu thuẫn với bản chất của quyền này. Theo quy định của các Bộ Dân luật khác như vừa nêu trên, các trường hợp gia súc chết một số con trong đàn, hoặc cây cối hư hỏng một phần trong vườn sẽ không làm chấm dứt quyền hưởng dụng. Nhiều Bộ Dân luật còn có các quy định về căn cứ chấm dứt do người có quyền hưởng dụng bị truất quyền do cố ý bỏ phế làm cho tài sản bị tiêu thất nghiêm trọng⁴¹... Từ đó, BLDS hiện hành khi được sửa đổi, cần chú ý đến các ngoại lệ này để bao quát toàn diện và tránh làm cho các quy định trong cùng chế định này lại mâu thuẫn với nhau⁴², làm giảm hiệu lực, hiệu quả của luật.

6.2. Hệ quả của việc chấm dứt quyền hưởng dụng

Hệ quả pháp lý của việc chấm dứt quyền hưởng dụng là các hậu quả liên quan trực tiếp, là kết quả pháp lý xảy ra và được quyết định dựa trên các căn cứ làm chấm dứt quyền hưởng dụng. Theo đó, mỗi trường hợp làm chấm dứt quyền hưởng dụng sẽ dẫn tới một số kết quả, “hệ lụy” liên quan tương ứng. Các “hệ lụy” pháp lý này gồm nhiều khía cạnh: (i) Hoàn trả tài sản, giá trị tài sản ước tính vào thời điểm tài sản được hoàn trả; (ii) Trách nhiệm bồi thường tổn thất do lỗi lầm, sự vô trách nhiệm của người có quyền hưởng dụng dẫn đến tài sản bị tiêu thất nghiêm trọng...; (iii) Thời điểm

xác định bên nào được quyền xác lập quyền sở hữu đối với hoa lợi, lợi tức thu được ở chu kỳ sản xuất cuối, tỷ lệ giá trị thu nhận được từ tài sản phục vụ sản xuất nếu bị hoàn trả khi chưa đến kỳ thu hoạch; (iv) Nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí tu bổ cho những hư hỏng lớn của tài sản hưởng dụng (là các bất động sản như nhà, công trình xây dựng khác), quyền lợi của người thứ ba có quyền và lợi ích liên quan (ví dụ: Quyền kháng biện của chủ nợ khi người hưởng dụng vi phạm nghĩa vụ dẫn đến hậu quả bị truất quyền hưởng dụng; hoặc quyền của người thứ ba liên quan đến người hưởng dụng khi người hưởng dụng tự nguyện từ bỏ hoặc trả lại tài sản hưởng dụng khi chưa hết thời hạn hưởng dụng...).

Điều 265 BLDS năm 2015 chỉ quy định về các căn cứ chấm dứt quyền hưởng dụng, nhưng không quy định về hệ quả pháp lý của việc chấm dứt quyền hưởng dụng. Đây là những vấn đề mà BLDS năm 2015 còn bỏ ngỏ, rất cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

Kết luận

Quyền hưởng dụng là một chế định hoàn toàn mới trong BLDS năm 2015. BLDS năm 2015 cơ bản đã dự liệu được “khung sườn” cần thiết cho chế định pháp lý này. Qua nghiên cứu, bài viết đã chỉ ra các điểm còn hạn chế, bất cập và đề xuất các kiến nghị mang tính định hướng nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền hưởng dụng. Để nhận thức và áp dụng thống nhất các quy định về quyền hưởng dụng trong BLDS năm 2015, thời gian tới rất cần sự giải thích pháp luật và sự hướng dẫn của các cơ quan hữu quan, cũng như cần tạo lập, bổ sung các án lệ liên quan đến quyền hưởng dụng, để chế định này phát huy hiệu quả điều chỉnh trong cuộc sống.

⁴¹ Ví dụ: Điều 440 Bộ Dân luật Sài Gòn năm 1972.

⁴² Ví dụ: Khoản 2 Điều 263 BLDS năm 2015 quy định về việc truất quyền hưởng dụng, nhưng chiếu theo Điều 265 lại không thấy tương thích với căn cứ chấm dứt quyền hưởng dụng cụ thể nào.